

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 32

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì – lagu sườn heo (khoai môn, khoai tây, hành tây, sả cây, nước dừa tươi, hạt cà ri, ngô gai, hành lá)
NT nhóm 2: Cháo thịt băm khoai tây
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào ngũ sắc (ớt chuông đỏ, ớt chuông vàng, cần tây, bông cải xanh, hành baro)
- Canh rau ngót, đậu hũ trắng, nấm rom nấu thịt gà, hành lá
Xế: Quýt đường
Xế chiều: Cháo lươn, đậu xanh, mướp hương, mồng toi, nấm bào ngư

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	350	3,140	10,990
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
3	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
4	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
4	0164	Rau mùi (ngò ri)	50	8,930	4,465
5	N0776	Bánh mì	400	9,200	36,800
6	N0861	Dầu màu điều	10	42,900	4,290
5	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
7	0033	Khoai môn	200	6,620	13,240
8	0037	Khoai tây	200	3,990	7,980
6	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
9	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
10	N0754	Sả cây	50	2,840	1,420
7	N0770	Thịt nạc dăm	350	17,850	62,475
11	0335	Sườn heo	200	25,520	51,040
12	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	9,770	9,770
8	0100	Cần tây	50	7,350	3,675
13	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
14	0143	Ớt chuông đỏ	100	11,030	11,030
9	0286	Thịt bò loại II	1,200	36,750	441,000
15	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	200	4,840	9,680
16	0211	Nấm rom	100	14,180	14,180
10	0168	Rau ngót	600	6,300	37,800

17	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
18	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
11	0163	Rau mồng tơi	100	5,040	5,040
19	0136	Mướp	100	4,520	4,520
20	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
12	0170	Rau răm	20	5,150	1,030
21	0411	Lươn	300	25,410	76,230
22	0059	Đậu xanh	50	7,140	3,570
13	0457	Sữa bột toàn phần	587.12	20,500	120,360
23	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
24	0259	Quýt (quýt)	1,000	6,200	62,000
Tổng chợ					1,184,000

Tổng tiền thực phẩm	1,184,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,184,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	1,184,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	1,184,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan